

Số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2018

"V/v Ly hôn, tranh

chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY- TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

2. Ông Đỗ Trung Tuân

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoài T, địa chỉ: Đ2, thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Hữu Đ, địa chỉ: Đ2, thôn T, xã L, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 15/5/2018, bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 31/5/2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T đều trình bày: Chị và anh Đ trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/7/2007. Vợ, chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không chú tâm xây dựng gia đình, ham chơi bời, uống rượu bê tha, không có lập trường, nghe theo những thông tin không tốt ngoài xã hội rồi về nhà gây gỗ, đánh đập vợ. Đã nhiều lần được gia đình hai bên, góp ý, giúp đỡ, đồng thời vì thương con, chị đã cố gắng bỏ qua nhiều lần để vun đắp xây dựng hạnh phúc gia đình và cầu mong anh Đ thay đổi nhưng anh Đ vẫn không có biến chuyển thay đổi mà đối xử với chị ngày càng thậm tệ hơn. Không chịu đựng được nữa, chị đã bỏ nhà ra thuê nhà trọ ở riêng cùng với 2 con từ tháng 6 năm 2018 và hiện nay cả ba mẹ con đã về sống chung tại nhà bố mẹ chị tại xã P, huyện L, tỉnh

Quảng Bình. Hai bên không ai còn quan tâm gì đến ai nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 31/5/2018, anh Đ trình bày: Về quá trình yêu nhau và kết hôn như chị T trình bày anh hoàn toàn nhất trí. Vợ chồng chung sống với nhau được 10 năm cơ bản là hạnh phúc. Thời gian gần đây anh thiếu tin tưởng về lòng chung thủy của vợ, có nghi ngờ vợ ngoại tình, sinh ra buồn chán và uống rượu, gây gổ với vợ nhưng không phải vì thế mà mất hết tình cảm, anh vẫn còn thương yêu vợ nhưng vì vợ quá kiên quyết xin ly hôn nếu anh có cố gắng níu kéo mà vợ không hợp tác thì cũng không có kết quả. Do đó, anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Con chung: Chị T, anh Đ có 02 con chung: Đặng Nguyễn Diệu T, sinh ngày 07/11/2007, Đặng Nguyễn Diệu H, sinh ngày 25/3/2011. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 2 con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được nuôi cả hai con thì anh yêu cầu được nuôi một con (con thứ hai), giao con đầu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tài sản chung: Chị T, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Hữu Đ đã được Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cũng như triệu tập phiên tòa lần thứ hai được tổng đạt hợp lệ nhưng anh Đ chỉ có mặt một lần tại phiên hòa giải vào ngày 31/5/2018, còn lại các lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu ly hôn, và nuôi con:

Hội đồng xét xử thấy chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Đặng Hữu Đ đăng ký kết hôn với nhau ngày 27/7/2007 tại UBND xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ thiếu tin tưởng về lòng chung thủy của vợ, chị T thì không có phương pháp, biện pháp gì để giải trình, chứng minh mình hoàn toàn trong sáng, tạo lòng tin cho chồng, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt làm cho anh Đ chán nản sinh ra rượu trà bê tha, gây gổ, xúc phạm vợ, dẫn đến cuộc sống vợ chồng ly tán.

Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 31/5/2018, anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ nhưng do chị T quá kiên quyết ly hôn, nếu anh có níu kéo cũng không có tác dụng nên anh nhất trí ly hôn. Mặc dù anh Đ nhất trí ly hôn nhưng Tòa án vẫn tạo điều kiện về mặt thời gian để

anh Đ có suy nghĩ chín chắn và có thể níu kéo vợ con trở lại đoàn tụ nhưng đến các phiên hòa giải tiếp theo, anh Đ vắng mặt không có lý do nên mục đích hòa giải của Tòa án không đạt được, đồng thời phiên tòa lần thứ hai được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Qua đó thể hiện anh Đ cũng không quan tâm bảo vệ hạnh phúc gia đình và không tha thiết hàn gắn tình cảm với chị T nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho hai bên ly hôn nhau là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

-Về con chung:

Chị T, anh Đ có hai con chung: Chị T yêu cầu được nuôi cả hai con. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng lần hòa giải ngày 31/5/2018, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con, nếu không được nuôi cả hai con anh yêu cầu được nuôi một con. Xét về số con phải nuôi dưỡng là 2 con, lẽ ra mỗi người nuôi một con không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai là hợp lý nhưng cả hai con đều có nguyện vọng được ở với mẹ để được yên ổn và thuận lợi cho việc học tập, hơn nữa từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cả hai con đều ở với mẹ. Anh Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên không thể hiện ý chí nguyện vọng của mình về con như thế nào nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, chị T nghề nghiệp giáo viên mầm non thu nhập có phần ổn định hơn nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị T buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi cả hai con hàng tháng một khoản tiền phù hợp là có căn cứ với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Tài sản chung: Chị T, anh Đ không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Đặng Hữu Đ được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Hoài T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Đặng Nguyễn Diệu T, sinh ngày 07/11/2007 và Đặng Nguyễn Diệu H, sinh ngày 25/3/2011. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 1.000.000 đồng (mỗi con 500.000 đồng) kể từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: 0001768 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh Đ phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/8/2018, anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND xã P(để biết);
- Lưu: HS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Nhàn